

Số: 02/2023/QĐST - KDTM

P, ngày 20 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh tH mại thụ lý số 01/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 442 N, phường , quận , Thành phố Hồ Chính Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị T – Chức vụ: Giám đốc Xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 69/UQ-QLN.22, ngày 20/01/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A.)

Bà Phạm Thị T uỷ quyền cho bà Trần Thị Thuý A – Nhân viên xử lý nợ 2 - Ngân hàng tH mại cổ phần A. (Theo giấy uỷ quyền số 3040/UQ-CNTL.23 ngày 04/10/2023).

Bị đơn: Ông Phạm Đình C, sinh năm 1980 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1982; cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện P, TP Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C, bà H là ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1954; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện P, TP Hà Nội.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị T (chết năm 2023); cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện P, TP Hà Nội.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

Bà Phùng Thị N, sinh năm 1930 – Mẹ đẻ; ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1954 – Chồng; ông Phạm Đình C, sinh năm 1980 – Con trai;
Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện P, TP Hà Nội.
Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Đ, xã N, thị xã T, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Anh Phạm Đình C và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm T toán trả Ngân hàng tH mại cổ phần A các khoản nợ tính đến ngày 10/11/2023, tổng cộng như sau:

- Khoản nợ của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.CN.01221012 ngày 22/10/2012 và Khế ước nhận nợ số 02 (TK vay số: 161832719) ngày 25/6/2013:

Nợ gốc: 35.000.000 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 559.668.617 đồng.

Tổng bằng 594.668.617 đồng (Năm trăm chín mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

- Khoản nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/11/2011:

Nợ gốc: 16.863.788 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 68.427.111 đồng.

Tổng bằng 85.290.899 đồng (Tám mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Tổng cả 02 khoản nợ nêu trên bằng 679.959.516 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn năm trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày 11/11/2023 cho đến khi T toán xong khoản nợ, anh C, chị H còn phải trả cho Ngân hàng tH mại cổ phần A khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGI.CN.01221012 ngày 22/10/2012 và Khế ước nhận nợ số 02 (TK vay số: 161832719) ngày 25/6/2013 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/11/2011; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB.

+ Trường hợp anh C, chị H không T toán trả được toàn bộ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng tH mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 83 diện tích 40 m² và thửa đất số 102 diện tích 118 m², tờ bản đồ số 01 tại thôn T, xã Đ, huyện P, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 170421 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 51.QSDD/PX do UBND huyện P cấp ngày 01/9/1997 mang tên ông Phạm Minh Đ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ T toán hết các khoản nợ thì anh C, chị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng tH mại cổ phần A.

+ Về án phí:

- Ghi nhận việc anh C, chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.599.190 đồng (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng).

- Trả lại Ngân hàng tH mại cổ phần A 18.361.700 đồng (*Mười tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005712, ngày 10/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P và 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001003 ngày 21/9/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Phong